

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CTTL

Số: 347/KTTL-QLTT

V/v kế hoạch lịch điều tiết nguồn nước tại các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất vụ Hè Thu và vụ Thu Đông năm 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày 12 tháng 8 năm 2019

Kính gửi: Các chi nhánh trực thuộc Công ty

Căn cứ Thông báo Kết luận của Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông tại cuộc họp giao ban Công ty tháng 7 năm 2019 (ngày 29/7/2019);

Trên cơ sở kế hoạch lịch điều tiết nguồn nước tại các công trình thủy lợi của các chi nhánh sau khi đã thống nhất với địa phương để phục vụ sản xuất vụ Hè Thu và vụ Thu Đông năm 2019 (*Chi tiết tại bảng Phụ lục kèm theo*).

Nhằm chủ động trong công tác vận hành điều tiết nguồn nước phục vụ sản xuất vụ Hè Thu và vụ Thu Đông năm 2019, Giám đốc Công ty đề nghị các chi nhánh trực thuộc tiếp tục triển khai các nội dung sau:

1. Theo dõi chặt chẽ tình hình diễn biến thời tiết, phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức hợp tác dùng nước và người dân hưởng lợi tại các công trình thủy lợi do Công ty quản lý trong công tác điều tiết nguồn nước theo lịch cấp nước thời vụ sản xuất, đồng thời thống nhất với chính quyền địa phương về việc điều chỉnh kế hoạch điều tiết nguồn nước khi có sự biến động về thời tiết, lịch thời vụ sản xuất thực tế tại địa phương.

2. Phân công cán bộ phụ trách quản lý trực tiếp công trình thủy lợi thường xuyên bám sát địa bàn công trình, thực hiện tốt công tác quản lý, vận hành hệ thống công trình thủy lợi, đảm bảo an toàn công trình trong mùa mưa lũ; điều tiết nguồn nước phục vụ tưới, tiêu, cấp nước hợp lý, hiệu quả không để xảy ra tình trạng thiếu nước hoặc ngập úng; công tác tích nước, xả nước hồ chứa phải theo kế hoạch, thực hiện đúng quy trình, đảm bảo an toàn hồ chứa và nguồn nước cuối vụ để tiếp tục chuẩn bị phục vụ sản xuất vụ Đông Xuân 2019-2020.

3. Đối với các công trình đang triển khai thi công, Chi nhánh phân công cán bộ có năng lực về kỹ thuật phối hợp chặt chẽ với đơn vị thi công, chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan trong việc đảm bảo an toàn công trình trong mùa mưa lũ và đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất.

Nhận được Công văn này, đề nghị chi nhánh triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, Kiểm soát viên C.ty (b/cáo);
- G/đốc, các Phó G/đốc C.ty;
- Các phòng: QLCT, KHTC, TCHC;
- Lưu: VT, QLTT.(0)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Tường Duy

Phụ lục:

BẢNG TỔNG HỢP LỊCH THỜI VỤ, KẾ HOẠCH ĐIỀU TIẾT CÁC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI VỤ HÈ THU VÀ THU ĐÔNG NĂM 2019
CỦA CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CTTL ĐẮK NÔNG

(Kèm theo Công văn số 347/CTTL-QLTT ngày 12/3/2019 của Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông)

Stt	Tên công trình/Khu tưới	Diện tích kế hoạch (ha)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Thời gian gieo cấy (dự kiến) (từ ngày — đến ngày —)			Thời gian xuống giống rau màu, cây ngắn ngày (dự kiến)	Thời gian thu hoạch (dự kiến)	Vận hành điều tiết cấp nước phục vụ sản xuất							Ghi chú
				Làm đất	Gieo sạ	Cây			Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(20)
A. VỤ HÈ THU 2019																
I. HUYỆN CỬ JUT																
1	CTTL Đắk Dier, xã Cư Knia															
	Lúa	399,68	100 - 120	01/6 - 15/6	10/6 - 18/6			30/9 - 10/10/2019								
	Rau, màu, cây ngắn ngày	-	-	-	-			-	01 - 15	04 - 13	08 - 16	01 - 09				
	Cây CN dài ngày	-	-	-	-			-	22 - 30	17 - 25	20 - 28	13 - 22				
	Thuỷ sản	-	-	-	-			-		27/07 - 04/08		26/9 - 05/10				
2	CTTL Đắk Đrông, xã Đắk Đrông															
	Lúa	433,55	100 - 120	25/5 - 10/6	05/6 - 15/6			25/9 - 05/10/2019								
	Rau, màu, cây ngắn ngày	-	-	-	-			-	17 - 23	07 - 13	07 - 13	07 - 13				
	Cây CN dài ngày	-	-	-	-			-	27/6 - 03/7	17 - 23	17 - 23	17 - 23				
	Thuỷ sản	-	-	-	-			-		27/07 - 03/08	27/08 - 03/09					
3	CTTL Cư Pú, xã Nam Dong															
	Lúa	49,08	100 - 120	20/5 - 31/5	01/6 - 05/6			20/9 - 30/9/2019	20/5 - 31/5	07 - 10	07 - 13	07 - 10				
	Rau, màu, cây ngắn ngày	-	-	-	-			-		14 - 17	17 - 23	14 - 17				
	Cây CN	-	-	-	-			-		21 - 24	27/07 - 03/08	21 - 24	04 - 07			
	Thuỷ sản	-	-	-	-			-		28/6 - 01/7		28 - 31	11 - 14			
4	CTTL Ea Diêr, xã Đắk Đrông															
	Lúa	26,72	100 - 120	25/5 - 10/6	-			25/9 - 05/10/2019								
	Rau, màu, cây ngắn ngày	-	-	-	-			-	17/6 - 19/6	01 - 03, 07 - 10	04 - 07	01 - 03				
	Cây CN	-	-	-	-			-	24/6 - 27/6	14 - 17, 21 - 24	11 - 14	08 - 11				
	Thuỷ sản	-	-	-	-			-		28 - 31	25 - 28	15 - 18				
5	CTTL Trúc Sơn, xã Trúc Sơn															
	Lúa	36,84	100 - 120	01/6 - 15/6	12/6 - 18/6			30/9 - 10/10/2019								
	Rau, màu, cây ngắn ngày	-	-	-	-			-	01 - 15	01 - 03, 07 - 10	03 - 07	01 - 05				
	Cây CN	-	-	-	-			-	22 - 26	14 - 17, 21 - 24	10 - 14	08 - 12				
	Thuỷ sản	-	-	-	-			-	29/6 - 03/7	28 - 31	17 - 21	15 - 19				
6	CTTL Đập + Trạm bơm Ea Pô															
	Lúa	62,45	100 - 120	20/5 - 31/5	27/5 - 02/6			05/9 - 15/9/2019								
	Rau, màu, cây ngắn ngày	-	-	-	-			-	07 - 10	05 - 08	02 - 05, 09 - 12,					
	Cây CN	-	-	-	-			-	14 - 17	12 - 15	16 - 19, 23 - 26,					
	Thuỷ sản	-	-	-	-			-	21 - 24	19 - 22	30 - 02					
		-	-	-	-			-	28/6 - 01/7	26 - 29						
II. HUYỆN KRÔNG NÔ																
1	CTTL Đắk Nang, xã Đắk Nang															
	Lúa	111,23	100-120	1/6-7/6	13/6-20/7			1/10-15/10	01 - 07, 10-30	01 - 20, 20 - 30	02/8 - 20/8	Thu hoạch				
	Rau, màu, cây ngắn ngày	17,27	60-80	-	-		01/7-15/7	15/9-30/9		01 - 15	01/8 - 10/8	01 - 10, thu hoạch				
2	CTTL Đắk Nang xã Đức Xuyên															
	Lúa	87,26	100-120	22/5-5/6	5/6-20/6			10/9-20/9	22/5 - 30/5	01/6 - 20/6	01 - 20	01 - 10, 20 - 30	Thu hoạch			
	Rau, màu, cây ngắn ngày	42,38	60-80	-	-		10/7-15/7	10/9-25/9		10 - 15	10 - 20	Thu hoạch				
3	CTTL Đắk Mâm, xã Nam Đà															
	Lúa	165,93	100-120	8/6-23/6	24/6-13/7			23/8-12/9	8/6 - 30/6	01 - 14, 20 - 31	01 - 23	Thu hoạch				
	Rau, màu, cây ngắn ngày	91,81	-	-	-		01/7-15/7	15/9-30/9		01 - 15	01 - 10, 20 - 31	Thu hoạch				
4	CTTL Đắk Rô, xã Đắk Drô															
	Lúa	82,43	100-120	25/5-10/6	15/6-30/6			15/10-30/10	25/5-31/5	05/6-20/6	01/7 - 25/7	01/8 - 25/8	01 - 25	Thu hoạch		
	Rau, màu, cây ngắn ngày	177,03	60-80	-	-		25/5-20/6	1/10-15/10	25/5-31/5	05/6-20/6	01/7 - 25	01/8 - 20/8	01 - 10	Thu hoạch		
5	CTTL Đắk Mhang, xã Năm Nung															
	Lúa	25,49	100-120	10/7-30/5	1/6-15/6			15/10	23/5-30/5	15/6-23/6	10/7 - 20/7	05/8 - 10/8	01/9-8/9	Thu hoạch		
6	CTTL Buôn Lang, xã Quảng Phú															
	Lúa	19,64	100-120	30/6-20/7	22/6-30/7			20/10-10/11			01/7 - 20/7	10/8 - 20/8	01 - 10, 20 - 30	10 - 19, thu hoạch		
7	CTTL Buôn Dong, xã Quảng Phú															
	Lúa	22,64	100-120	1/7-20/7	22/7-10/8			30/10-1/11			01/7 - 22/7	01/8 - 20/8	01 - 10, 20 - 30	10/10-25/10		
8	CTTL Đắk Viên xã Năm Nung															
	Lúa	65	100-120	1/6 - 15/6	15/6-30/6			15/10	01/6-23/6	10/7 - 20/7	05/8 - 10/8	01/9-8/9	Thu hoạch			
9	CTTL Buôn Reập xã Năm Nung															

Stt	Tên công trình/Khu tưới	Diện tích kế hoạch (ha)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Thời gian gieo cấy (dự kiến) (từ ngày ... đến ngày ...)			Thời gian xuống giống rau màu, cây ngắn ngày (dự kiến)	Thời gian thu hoạch (dự kiến)	Vận hành điều tiết cấp nước phục vụ sản xuất								Ghi chú
				Làm đất	Gieo sạ	Cấy			Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	
	Lúa		100-120	1/6 - 15/6	15/6-30/6			15/10		01/6-23/6	10/7 - 20/7	05/8 - 10/8	01/9-8/9	Thu hoạch			
10	CTTL Đập dâng Thanh Sơn																
	Lúa		100-120	25/4-5/5	5/5-15/5		25/8-15-9	01 - 25; 27 - 31	5/6-25/6	01 - 11; 16 - 26	01/8-11/8	Thu hoạch					
	Rau, màu, cây ngắn ngày	63,47	-	-			01/5-15/5	15/9-30/9	01 - 15; 20 - 31	01 - 15; 20 - 31	01/7-15/7	01 - 10; 20 - 31	Thu hoạch				
11	CTTL kênh chống hạn Long Sơn																
	Lúa		100-120	15/3-25/3	25/3-5/4				01 - 11; 16 - 26	01-11; 16 -26	01/7-17/7	Thu hoạch					
	Rau, màu, cây ngắn ngày	5,22					15/3-25/3	15/8-30/8	01/5-15/5	01-10; 20 -30	Thu hoạch		Thu hoạch				
12	HTTB Đăk Rên, xã Năm N'Đir																
	Lúa	287,99	100-120	7/5-20/5	20/5-10/6		20/9-30/9		01 - 10; 20 - 30	10/7-20/7	01/8-10/8	01-10; thu hoạch					
	Hoa màu	231,58	60-80				10/5-30/5	10/9-25/9	10/5-30/5	10/6-20/6	10/7-20/7	01/8-10/8	Thu hoạch				
13	HTTB Buôn Choach, xã Buôn Choach																
	Lúa	290,86	100-120	7/5-20/5	20/5-10/6		15/8-30/8		01 - 10; 20 - 30	10/7-20/7	01-10; thu hoạch						
	Hoa màu	402,81	90-100				10/5-30/5	15/8-30/8	01 - 10; 20 - 30	10/7-20/7	01-10; thu hoạch						
14	HTTB D12 - Buôn Srok, xã Quảng Phú																
	Lúa	81,16	100-120	1/7-20/7	25/7-10/8		1/11-20/11			01/7-20/7	01/8-10/8	01-10; 15-30	01-10; 15-30				
15	Trạm bơm Buôn Ktak xã Quảng Phú																
	Lúa	28	100-120	1/7-20/7	22/8-20/9		1/11-20/11			20/7-30/7	01-20; 22-30	01/9-20/9	01-10; 15-30				
16	Trạm bơm Buôn Chơih xã Đức Xuyên																
	Lúa	38	100-120	20/5-6/6	10/6-20/7		1/10-20/10	20/5-30/5	10/6-30/6	1/7-20/7	01-20; 22-30	01/9-20/9	Thu hoạch				
III Huyện Đăk Mĩ																	
1	CTTL Đăk Săk, bon Jun Juh, xã Đức Minh																
	Khu tưới: xã Đức Minh																
	Lúa	228,423	115		15-20/6/19	10-15/7	01-30/10/19				1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27			
	Khu tưới: xã Đăk Săk																
	Lúa	20,507	115		15-20/6/19	10-15/7	01-30/10/19				1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27			
2	CTTL Thọ Hoàng, xã Đăk Săk																
	Khu tưới: xã Đăk Săk																
	Lúa	21,644	115		15-20/6/19	10-15/7	01-30/10/19				1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27			
	Khu tưới: xã Đức Mạnh																
	Lúa	7,802	115		15-20/6/19	10-15/7	01-30/10/19				1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27			
3	CTTL Thái Bá Long, xã Đức Minh																
	Khu tưới xã Đức Mạnh																
	Lúa	54,712	115		15-20/6/19	10-15/7	01-30/10/19				1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27			
4	CTTL Núi Lửa, thôn Thuận Hạnh, xã Thuận An																
	Khu tưới xã Thuận An																
	Lúa	36,838	115		15-20/6/19	10-15/7	01-30/10/19				1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27					
5	CTTL Bu Đăk, Bon Bu Đăk, xã Thuận An																
	Lúa	8,78	115		15-20/6/19	10-15/7	01-30/10/19				1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27			
6	CTTL Đăk Puer, thôn Thuận Hạnh, xã Thuận An																
	Lúa	10,318	115		15-20/6/19	10-15/7	01-30/10/19				1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27					
7	CTTL Đăk Sor, thôn Tân Sơn, xã Long Sơn																
	Lúa	30,813	115		15-20/6/19	10-15/7	01-30/10/19				1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27			
8	CTTL E29, thôn Đăk Sôr, xã Đăk Săk																
	Lúa	28,76	115		15-20/6/19	10-15/7	01-30/10/19				1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27			
9	CTTL : Jun Juh, thôn Thanh Hà, xã Đức Minh																
	Khu tưới xã Đức Minh																
	Lúa	20,65	115		15-20/6/19	10-15/7	01-30/10/19				1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27			
10	CTTL Đăk Gưôn Thượng, Bon Bu Đăk, xã Thuận An																
	Lúa	23,34	115		15-20/6/19	10-15/7	01-30/10/19				1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27				
11	Hồ Ông Hiền, thôn Mỹ Yên, xã Đức Minh																
	Khu tưới xã Đức Minh																
	Lúa	6,243	115		15-20/6/19	10-15/7	01-30/10/19				1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27			
12	Hồ Tây, Khối 8, thị trấn Đăk Mĩ																
	Khu tưới xã Đức Minh																
	Lúa	15,19	115		15-20/6/19	10-15/7	01-30/10/19				1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27			
IV Huyện Đăk Song																	

STT	Tên công trình/Khu tưới	Diện tích kế hoạch (ha)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Thời gian gieo cấy (dự kiến) (từ ngày ... đến ngày ...)			Thời gian xuống giống rau màu, cây ngắn ngày (dự kiến)	Thời gian thu hoạch (dự kiến)	Vận hành điều tiết cấp nước phục vụ sản xuất								Ghi chú
				Làm đất	Gieo sạ	Cấy			Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	
1	CTTL Đắc Toa, xã Thuận Hà																
	Lúa	7,48	90-110	01/06+15/06	01/06+15/06	16/06+20/06		2/10/19		01/06 - 22/06	26/06+26/07	30/07+30/08	03/09+30/09	01/10+31/10			
	Rau, màu, cây ngắn ngày	103,62	60-80				8/10/2019	30/10/19									
2	CTTL Đắc Tiên Tranh, xã Thuận Hà																
	Lúa	44,25	90-110	01/06+15/06	01/06+15/06	16/06+20/06		2/10/19		01/06+22/06	26/06+26/07	30/07+30/08	03/09+30/09	01/10+31/10			
	Rau, màu, cây ngắn ngày	113,20	60-80				8/10/2019	30/10/19									
3	CTTL Đắc Mỏl, xã Đắc Hòa																
	Lúa	60,30	90-110	20/06+30/06	15/06+05/07	05/07+15/07		30/9/19		15/06+28/06	01/07+12/07	15/07+16/08	19/08+30/09	01/10+31/10			
	Rau, màu, cây ngắn ngày	13,97	60-80				15/6	30/9/19									
4	CTTL Đắc Sơn III, xã Đắc Hòa																
	Lúa	13,03	90-111	20/06+30/06	15/06+05/07	05/07+15/07		30/9/19		15/06+28/06	01/07+12/07	15/07+16/08	19/08+30/09	01/10+31/10			
	Rau, màu, cây ngắn ngày	7,88	60-80				15/6	30/9/19									
5	CTTL Y Oanh, xã Đắc Mỏl																
	Lúa	38,14	90-110	20/06+30/06	15/06+05/07	05/07+15/07		30/9/19		15/06+28/06	01/07+12/07	15/07+16/08	19/08+30/09	01/10+31/10			
	Rau, màu, cây ngắn ngày	2,02	60-80				15/6/19	30/9/19									
6	CTTL Cư Prông, xã Đắc Mỏl																
	Lúa	9,27	90-110	20/06+30/06	15/06+05/07	05/07+15/07		30/9/19		15/06+28/06	01/07+12/07	15/07+16/08	19/08+30/09	01/10+31/10			
	Rau, màu, cây ngắn ngày	0,91	60-80				15/6/19	30/9/19									
7	CTTL Đắc Lép, xã Năm N'Jang																
	Rau, màu, cây ngắn ngày	129,66	60-80				15/6/19	30/9/19		15/06+28/06	01/07+12/07	15/07+16/08	19/08+30/09	01/10+31/10	-		
8	CTTL Năm N'Jang, xã Năm N'Jang																
	Rau, màu, cây ngắn ngày	8,65	60-80				15/6/19	30/9/19		15/06+28/06	01/07+12/07	15/07+16/08	19/08+30/09	01/10+31/10			
9	CTTL Đắc Kuai, xã Đắc N'Drưng																
	Rau, màu, cây ngắn ngày	25,10	60-80				15/5/19	10/8/19									
10	CTTL Đắc Pông Pê, xã Đắc N'Drưng																
	Lúa	5,17	90-110	01/06+20/06	02/06+10/07	20/06+30/06		20/9/19		01/06+28/06	02/07+02/08	08/08+06/09	10/09+20/09				
11	CTTL Đắc KuaiS, xã Đắc N'Drưng																
	Rau, màu, cây ngắn ngày	6,38	60-80				15/5/19	10/8/19		01/06+28/06	02/07+02/08	08/08+06/09	10/09+20/09				
12	Hồ thôn 10, xã Đắc N'Drưng																
	Rau, màu, cây ngắn ngày	16,61	60-80				15/5/19	10/8/19		01/06+28/06	02/07+02/08	08/08+06/09	10/09+20/09				
13	Hồ Đàng D'Ri, xã Đắc N'Drưng																
	Rau, màu, cây ngắn ngày	16,02	60-80				15/5/19	10/8/19		01/06+28/06	02/07+02/08	08/08+06/09	10/09+20/09				
14	CTTL Sinh Mường, xã Thuận Hạnh																
	Rau, màu, cây ngắn ngày	28,80	60-80				15/6/19	30/9/19		15/06+28/06	01/07+12/07	15/07+16/08	19/08+30/09	01/10+31/10			
15	CTTL Thuận Thành, xã Thuận Hạnh																
	Rau, màu, cây ngắn ngày	19,08	60-80				15/6/19	30/9/19		15/06+28/06	01/07+12/07	15/07+16/08	19/08+30/09	01/10+31/10			
16	CTTL Đắc M'Roung, xã Thuận Hạnh																
	Lúa	18,40	90-110	20/06+30/06	15/06+05/07	05/07+15/07		30/9/19		15/06+28/06	01/07+12/07	15/07+16/08	19/08+30/09	01/10+31/10			
	Rau, màu, cây ngắn ngày	35,18	60-80				15/6/19	30/9/19									
17	CTTL Thuận Tân, xã Thuận Hạnh																
	Rau, màu, cây ngắn ngày	19,53	60-80				15/6/19	30/9/19		15/06+28/06	01/07+12/07	15/07+16/08	19/08+30/09	01/10+31/10			
18	CTTL Đắc Nhai, xã Trường Xuân																
	Lúa	5,41	90-110	20/06+30/06	15/06+05/07	05/07+15/07		30/9/19		15/06+28/06	01/07+12/07	15/07+16/08	19/08+30/09	01/10+31/10			
	Rau, màu, cây ngắn ngày	3,96	60-80				15/6/19	30/9/19									
19	CTTL Đắc Thôn 2, xã Trường Xuân																
	Lúa	6,97	90-110	20/06+30/06	15/06+05/07	05/07+15/07		30/9/19		15/06+28/06	01/07+12/07	15/07+16/08	19/08+30/09	01/10+31/10			
	Rau, màu, cây ngắn ngày	3,50	60-80				15/6/19	30/9/19									
20	CTTL Thôn 3, xã Trường Xuân																
	Rau, màu, cây ngắn ngày	9,09	60-80				15/6/19	30/9/19		15/06+28/06	01/07+12/07	15/07+16/08	19/08+30/09	01/10+31/10			
21	CTTL Đắc Cai, xã Trường Xuân																
	Rau, màu, cây ngắn ngày	3,28	60-80				15/6/19	30/9/19		15/06+28/06	01/07+12/07	15/07+16/08	19/08+30/09	01/10+31/10			
V Thị xã Gia Nghĩa																	
1	CTTL Đắc Cút xã Đắc Nĩa	66,68															
	Khu tưới thôn Đắc Tân, xã Đắc Nĩa	66,68															
	Lúa	26,80	90-100	10/7 -20/7	15/7-20/7			1/10-20/10/2019			10/7-30/7	15/8-25/8	18/9 -29/9				
	Rau, màu, cây ngắn ngày	39,88	40-60				10/7- 15/7/2019	10/9-20/9/2019			10/7-30/8	10/7-30/8	1/9-5/9				

1746-C
 NGTY
 1111-
 HANH VI
 KI CÔNG T
 TUY LO
 ĐAK NÓN
 CHIA-T

Stt	Tên công trình/Khu tưới	Diện tích kế hoạch (ha)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Thời gian gieo cấy (dự kiến) (từ ngày ... đến ngày ...)			Thời gian xuống giống rau màu, cây ngắn ngày (dự kiến)	Thời gian thu hoạch (dự kiến)	Vận hành điều tiết cấp nước phục vụ sản xuất								Ghi chú
				Làm đất	Gieo sạ	Cấy			Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	
2	CTTL Đắk Noh xã Đắk Nia	2,71															
	Khu tưới Bon Srê Ú, xã Đắk Nia	2,71															
	Lúa	2,71	90-100	10/7 - 20/7	15/7 - 20/7			1/10 - 20/10/2019			10/7 - 30/7	15/8 - 25/8	18/9 - 29/9				
3	CTTL Nam Dọ xã Đắk Nia	0,51															
	Khu tưới thôn Đắk Tân, xã Đắk Nia	0,51															
	Lúa	0,51	40-60	10/7 - 20/7	15/7 - 20/7			1/10 - 20/10/2019			10/7 - 30/7	15/8 - 25/8	18/9 - 29/9				
4	CTTL Hồ Trung Tâm phường Nghĩa Đức	14,42															
	Khu tưới TDP5, phường Nghĩa Tân	13,58															
	Rau, màu, cây ngắn ngày	13,58	40-60				20/6 - 30/6/2019	20/8 - 30/8/2019	20/6 - 30/6	10/7 - 20/7	5/8 - 15-8						
	Khu tưới TDP6, phường Nghĩa Tân	0,84															
	Rau, màu, cây ngắn ngày	0,84	40-60				20/6 - 30/6/2019	20/8 - 30/8/2019	20/6 - 30/6	10/7 - 20/7	5/8 - 15-8						
5	CTTL Hồ Nghĩa Phú phường Nghĩa Phú	1,92															
	Khu tưới TDP4, phường Nghĩa Phú	1,92															
	Rau, màu, cây ngắn ngày	1,92	40-60				20/6 - 30/6/2019	20/8 - 30/8/2019	20/6 - 30/6	10/7 - 20/7	5/8 - 15-8						
VI Huyện Đắk G'Long																	
1	CTTL Dọ Hang Lang, xã Đắk R'măng																
	Khu tưới thôn 1, xã Đắk R'măng																
	Mạ, rau màu, cây ngắn ngày	27,881	60 - 80				02/7 - 25/7	01/9 - 21/9			15/7 - 20/7	05-10/8; 25-30/8	15-20/9				
2	CTTL Đắk Snao, xã Đắk R'măng																
	Khu tưới thôn 4, xã Đắk R'măng																
	Mạ, rau màu, cây ngắn ngày	16,119	60 - 80				02/7 - 25/7	01/9 - 21/9			15/7 - 20/7	05-10/8; 25-30/8	15-20/9				
3	CTTL Đèo 52, xã Quảng Sơn																
	Khu tưới thôn 4, xã Quảng Sơn																
	Lúa	21,877	100 - 120	20/6 - 05/7	25/6 - 10/7			30/9 - 25/10			01-05/7; 25-30/7	15-20/8	05-10/9; 25-30/9	10-15/10			
4	CTTL Đắk Snao 2, xã Quảng Sơn																
	Khu tưới thôn 4, xã Quảng Sơn																
	Mạ, rau màu, cây ngắn ngày	0,214	60 - 80				02/7 - 25/7	01/9 - 21/9				05-10/8; 25-30/8	15-20/9				
5	CTTL Đắk Snao 3, xã Quảng Sơn																
	Khu tưới thôn 4, xã Quảng Sơn																
	Lúa	1,797	100 - 120	20/6 - 05/7	25/6 - 10/7			30/9 - 25/10			01-05/7; 25-30/7	15-20/8	05-10/8; 25-30/8	10-15/10			
6	CTTL Đắk N'đer 2, xã Quảng Sơn																
	Khu tưới thôn Quảng Hợp, xã Quảng Sơn																
	Mạ, rau màu, cây ngắn ngày	1,429	60 - 80				02/7 - 25/7	01/9 - 21/9			15-20/7	05-10/8; 25-30/8	15-20/9				
7	CTTL Thôn 3B Bon Sa Nar, xã Quảng Sơn																
	Khu tưới Bon Sa Nar, xã Quảng Sơn																
	Lúa	2,000	100 - 120	20/6 - 05/7	25/6 - 10/7			30/9 - 25/10			01-05/7; 25-30/7	15-20/8	05-10/8; 25-30/8	10-15/10			
8	CTTL Đắk Spin, xã Quảng Sơn																
	Khu tưới Bon R'bit, xã Quảng Sơn																
	Lúa	37,219	100 - 120	20/6 - 05/7	25/6 - 10/7			30/9 - 25/10			01-05/7; 25-30/7	15-20/8	05-10/8; 25-30/8	10-15/10			
	Mạ, rau màu, cây ngắn ngày	9,987	60 - 80				02/7 - 25/7	01/9 - 21/9			15-20/7	05-10/8; 25-30/8	15-20/9				
	Khu tưới Bon Sa Nar, xã Quảng Sơn																
	Lúa	1,219	100 - 120	20/6 - 05/7	25/6 - 10/7			30/9 - 25/10			01-05/7; 25-30/7	15-20/8	05-10/8; 25-30/8	10-15/10			
9	CTTL Thôn 1, xã Đắk Ha																
	Khu tưới thôn 1, xã Đắk Ha																
	Mạ, rau màu, cây ngắn ngày	13,266	60 - 80				02/7 - 25/7	01/9 - 21/9			15-20/7	05-10/8; 25-30/8	15-20/9				
10	CTTL Trảng Bạ, xã Đắk Ha																
	Khu tưới thôn 4, xã Đắk Ha																
	Lúa	27,607	100 - 120	20/6 - 05/7	25/6 - 10/7			30/9 - 25/10			01-05/7; 25-30/7	15-20/8	05-10/8; 25-30/8	10-15/10			
	Mạ, rau màu, cây ngắn ngày	5,841	60 - 80				02/7 - 25/7	01/9 - 21/9			15-20/7	05-10/8; 25-30/8	15-20/9				
11	CTTL Đắk R'tiêng, xã Đắk Ha																
	Khu tưới thôn 7, xã Đắk Ha																

Stt	Tên công trình/Khu tưới	Diện tích kế hoạch (ha)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Thời gian gieo cây (dự kiến) (từ ngày ... đến ngày ...)			Thời gian xuống giống rau màu, cây ngắn ngày (dự kiến)	Thời gian thu hoạch (dự kiến)	Vận hành điều tiết cấp nước phục vụ sản xuất								Ghi chú
				Làm đất	Gieo sạ	Cấy			Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	
	Mạ, rau màu, cây ngắn ngày	47,820	60 - 80				02/7 - 25/7	01/9 - 21/9			15-20/7	05-10/8, 25-30/8	15-20/9				
12	CTTL Ea Nung, xã Đắk Ha																
	Khu tưới thôn 7, xã Đắk Ha																
	Mạ, rau màu, cây ngắn ngày	5,453	60 - 80				02/7 - 25/7	01/9 - 21/9			15-20/7	05-10/8, 25-30/8	15-20/9				
13	CTTL Số 1, xã Đắk P'la																
	Khu tưới thôn 5, xã Đắk P'la																
	Lúa	2,121	100 - 120	20/6 - 05/7	25/6 - 10/7			30/9 - 25/10			01-05/7, 25-30/7	15-20/8	05-10/8, 25-30/8	10-15/10			
	Mạ, rau màu, cây ngắn ngày	193,788	60 - 80				02/7 - 25/7	01/9 - 21/9			15-20/7	05-10/8, 25-30/8	15-20/9				
14	CTTL Thôn 2, xã Đắk P'la																
	Khu tưới thôn 2, xã Đắk P'la																
	Mạ, rau màu, cây ngắn ngày	34,576	60 - 80				02/7 - 25/7	01/9 - 21/9			15-20/7	05-10/8, 25-30/8	15-20/9				
B	VỤ THU ĐÔNG 2019																
6	CTTL Đập + Trạm bơm Ea Pô																
	Lúa	62,45	100 - 120	20/5 - 31/5	27/5 - 02/6			05/9 - 15/9/2019									
	Rau, màu, cây ngắn ngày	-	-	-	-			-					10 - 20	04 - 07	01 - 04	05 - 08	
	Cây CN	-	-	-	-			-					27 - 30	11 - 14	08 - 11	12 - 15	
	Thuỷ sản	-	-	-	-			-						18 - 21	15 - 18	19 - 22	
														25 - 28	22 - 25	26 - 29	
															29/11 - 01/12		

Ghi chú: Căn cứ tình hình diễn biến thời tiết, lịch thời vụ sản xuất thực tế của nhân dân tại các khu tưới, kế hoạch điều tiết nước điều chỉnh thay đổi để phù hợp với nhu cầu dùng nước thực tế tại địa phương.